

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐƠN DƯƠNG
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 20/6/2025
V/v: “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Anh Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Vũ Văn Công;
- Bà Kơ Ria Trâm

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Vũ Minh Tiến - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025 về “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà P, sinh năm: 1990; Địa chỉ: Thôn S, xã Hiệp An, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

Bị đơn: Ông N, sinh năm: 1989; Địa chỉ: Thôn S, xã Đa Ròn, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà P trình bày: Bà P và ông N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hiệp An, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 11/5/2010. Thời gian đầu chung sống, vợ chồng hạnh phúc. Tuy nhiên, sau một thời gian, mâu thuẫn phát sinh do ông N thường xuyên ăn nhậu, không lo làm ăn và đánh đập vợ con. Từ năm 2014 đến nay, ông Su Ra đã về nhà bố mẹ ruột ở Đa Ròn sinh sống, vợ chồng không còn liên lạc gì với nhau. Bà P xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể tiếp tục kéo dài cuộc hôn nhân không hạnh phúc này, do đó bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Su Ra.

Về con chung: Bà P trình bày bà và ông N có 02 con chung là cháu L, sinh ngày 24/10/2010 và cháu T, sinh ngày 17/6/2014. Cả hai cháu hiện đang do

bà P trực tiếp nuôi dưỡng. Nguyên vọng của bà P là được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung và không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà P trình bày bà và ông Su Ra không có tài sản chung và nợ chung; nếu có sẽ tự thỏa thuận giải quyết nên không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà P vẫn giữ nguyên ý kiến của mình về việc giải quyết ly hôn, nuôi con chung và vấn đề tài sản chung, nợ chung. Ông N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không thể hiện ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà P được ly hôn với ông N; về con chung: giao cháu L và T cho bà P tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung do bà P không yêu cầu nên không đề cập đến; về tài sản chung và nợ chung, bà P không yêu cầu giải quyết. Ông N không có mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay để thể hiện ý kiến của mình nên không xem xét đến. Về án phí: bà P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Do có những mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết được. Tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên bà P yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” giữa nguyên đơn bà P với bị đơn là ông N. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã Đa Ròn, huyện Đơn Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, ông N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai theo đúng quy định tại các Điều 175, 177, 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội

đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông N theo thủ tục chung và dành quyền kháng cáo cho ông N theo quy định.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà P và ông N kết hôn với nhau tự nguyện và đã được UBND xã Hiệp An, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/5/2010. Thời điểm đăng ký kết hôn, ông bà đều đủ điều kiện kết hôn. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông N là hợp pháp. Theo bà P, sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông N thường xuyên ăn nhậu, không lo làm ăn và đánh đập vợ con. Trên thực tế, bà và ông N đã không chung sống cùng nhau từ năm 2014 đến nay. Ông N đã về nhà gia đình anh chị của ông ở Đạ Ròn sinh sống và vợ chồng không còn liên lạc gì với nhau. Theo biên bản xác minh ngày 12/5/2025, Trưởng thôn S là ông M cho biết ông N đã về ở thôn S từ khoảng năm 2014, 2015 và hiện đang ở nhà chị ruột tại thôn S, xã Đạ Ròn, chứ không ở cùng bà P. Điều này chứng tỏ bà P và ông N hiện không chung sống cùng nhau. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng yêu cầu ông N đến Tòa án làm việc, tuy nhiên ông N vẫn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Việc ông N bỏ mặc không quan tâm, không có tác động để bà P trở về chung sống và xây dựng hạnh phúc gia đình. Từ những tình tiết trên có thể thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà P và ông N là có thật, đã lâm vào tình trạng trầm trọng, khó hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P, cho bà được ly hôn với ông N là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà P cho rằng bà và ông N có 02 con chung là cháu L, sinh ngày 24/10/2010 và cháu T, sinh ngày 17/6/2014. Cả hai cháu hiện đang do bà P trực tiếp nuôi dưỡng. Về việc nuôi con chung, bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung cho đến khi đủ 18 tuổi, bà không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét việc giao con cho ai nuôi dưỡng phải xem xét đến sự đảm bảo phát triển tốt về mọi mặt của con. Tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định “Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”. Hiện tại cả cháu L và T đều đã trên 7 tuổi nên phải xem xét đến nguyện vọng của các cháu. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, cháu L và T đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Thực tế, các cháu đều đang do bà P trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện nay, bà P có thể trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Ông N cũng không có mặt tại Tòa án để bày tỏ nguyện vọng của mình về việc nuôi con chứng tỏ ông bỏ mặc không có trách nhiệm với các con của mình. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cả hai con chung là cháu L và cháu T cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật, điều kiện hoàn cảnh thực tế của các bên và cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, bà P không yêu cầu giải quyết nên không xem xét đến.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[4] Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị đơn không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39, Điều 146, 147, 175, 177, 179, 205, 207, 220, 228, 262, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn bà P. Cho bà P được ly hôn với ông N.

2. Về con chung: Giao con chung tên L, sinh ngày 24/10/2010 và T, sinh ngày 17/6/2014 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Ông Su Ra không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; yêu cầu cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

3. Về án phí: Buộc bà P phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà P đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002912 ngày 13/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đơn Dương. Bà P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Ông Su Ra không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bà P có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án riêng ông Su Ra vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Đơn Dương;
- UBND xã Hiệp An, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Đình Anh Vũ